



中國香港攀山及攀登總會有限公司
China Hong Kong Mountaineering and Climbing Union Ltd.
2023-24 青苗競賽攀登培訓計劃「青苗交流賽」
2023-24 YATS Exchange Competition

總成績

Jury President: Raymond CHAN

時間：3/6/2023 17:19

名次 Rank	編號 Bib No.	中文姓名 NAME IN CHINESE	英文姓名 NAME IN ENGLISH	決賽	初賽	
				Score	Q1	Q2
1	29	陳紀延	CHAN KEI YIN	TOP	TOP	29
2	25	陳朗峰	CHAN LONG FUNG NATHANIEL	TOP	33+	29
3	23	許清華	HUI TSING HUA	TOP	29	29
4	13	胡卓諺	WOO CHEUK YIN	30+	26+	26
5	7	佘天朗	SAI TIN LONG CADEN	30	21+	26
6	26	許哲軒	HUI ZIT HIN	29	26+	26
7	22	譚仲賢	TAM CHUNG YIN	28	22	26
8	11	馮筠雅	FUNG KWAN NGA	7+	21+	22+
9	16	王一心	WANG ELSA	-	27	7
10	15	岳瑞宸	YUE RUI CHEN	-	22	22
11	21	梁城哲	LEUNG SHING CHIT MATTHEW	-	22	22
12	20	黃悅丞	WONG YUET SHING RAPHAEL	-	24+	16
13	14	盧以力	LO IAN	-	21+	22
14	18	鍾忻立	CHUNG YAN LAP	-	21+	22
15	9	戚鈺澗	VERONICA AIMEE CHIK	-	26	6
16	24	郭思彤	GUO SITONG	-	21	22
17	17	彭皓希	PANG HO HEI	-	20	16
18	6	吳小敏	NG SARAH	-	13+	18
19	12	鍾倩澄	CHUNG SIN CHING	-	21+	11
20	27	馬皓君	MA HO KWAN	-	21	13
21	4	邱頌庭	YAU CHUNG TING CHARIS	-	13	16
22	19	胡希桐	WU HEI TUNG	-	19	11
23	1	秦灝鏘	CHUN HO WAH	-	15	8
24	3	黃煦晴	WONG HUI CHING CLAIRE	-	12	12+
25	10	鄭梓謙	CHENG TSZ HIM	-	12	12+
26	8	陳焯瑤	CHAN CHEUK YIU	-	8	12+
27	5	屠靖淇	TO CHING KEI	-	13	7
28	2	繆博韜	MAU BOK TOU	-	DNS	DNS
29	28	曹心柔	CHO SUM YAU ASHLEY	-	DNS	DNS